

Con Đường Thứ Ba

*TA sống muôn năm ở trong TA,
lấy sức ngâm đó đứng lên
chuẩn bị cho thời đại 2000
(Lý Đông A)*

Tháng 10 năm 2004, người Đức đã tung bùng tổ chức lễ kỷ niệm 15 năm ngày sụp đổ (năm 1989) của bức tường Bá Linh mà dân Đức thường gọi là “**Bức Tường Ô Nhục**” đã chia đôi thành phố Bá Linh: một phần theo **cộng sản Đông Đức**, còn phần kia theo **Tây Đức tự do**. Ngày kỷ niệm đó đánh dấu sự cáo chung của chế độ Cộng sản tại Đông Đức, khởi đầu việc thống nhất nước Đức.

I- Con Đường Thứ Ba:

Ngược dòng lịch sử, trước đó ít lâu, Tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô Gorbachev đã nhấn bảo lãnh tự các nước Đông Âu, đại khái như sau:

“Các anh phải tự mình thay đổi, nếu không sẽ chết. Chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời rồi, không thể làm cho đất nước thịnh vượng và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Các nước Đông Âu có toàn quyền lựa chọn con đường đi cho quốc gia: hoặc theo chủ nghĩa cộng sản như cũ, hoặc chuyển sang chế độ tư bản, hoặc theo một chế độ ưu việt nào mà các anh tìm ra. Nước Nga sẽ không can thiệp vào nội bộ các nước Đông Âu nữa.”

Sau khi Liên Xô bỏ rơi Đông Âu, dân chúng các nước Đông Âu đã nổi lên giành độc lập cho quốc gia. Kết quả các nước Đông Âu như Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Lỗ Mã Ni, v...v... đã thoát khỏi ngục tù cộng sản, để tiến vào con đường dân chủ.

Cựu Bí Thư Đảng Cộng Sản Hung Gia Lợi (tên rất khó đọc nên người viết quên rồi, mong độc giả thông cảm và thứ lỗi cho) hỏi Gorbachev: “Tôi khuyên các anh em nên theo chủ nghĩa tư bản. Anh nghĩ sao?”

Gorbachev đáp: “Anh lầm rồi. Anh nên nhớ cộng sản phát sinh ra để chống tư bản. Chúng ta có thể nói: tư bản là chánh đề, cộng sản là phản đề. Nếu cho tư bản là tổng hợp đề, một thời gian sau đó, tư bản sẽ lại thành chánh đề, rồi sẽ có phản đề là cộng sản và hợp đề là tư bản. Cái vòng lẩn quẩn đó không bao giờ chấm dứt. Như vậy, anh đã lầm lẫn khi khuyên anh em Hung Gia Lợi theo chế độ tư bản.”

Hỏi: “Cộng sản đã lỗi thời. Tư bản lại không thể chấp nhận được. Vậy ta nên đi theo con đường nào?”

Đáp: “Tôi cũng chưa biết. Hãy tạm gọi là **Con Đường Thứ Ba**, sau tư bản và cộng sản.

Tạm thời, đừng quá khắt khe với nhân dân, trong khi đi tìm con đường thứ ba.

Thực tại cho chúng ta thấy các nước Đông Âu đang chập chững ngã theo chế độ dân chủ tư bản. Các nước Đông Âu không thiên hẳn về tư bản hay cộng sản, để đi tìm con đường phải theo.

Riêng biệt, nước Nga sau một thời kỳ chuyển sang tư bản (với Yeltsin) nay quay về cộng sản (với Putin) nhưng không còn cứng rắn như trước. Trung Hoa cộng sản cởi mở một thời gian về kinh tế với Đặng Tiểu Bình, rồi Giang Trạch Dân nên kinh tế phát triển nhanh chóng. Kết quả là đảng viên cộng sản và nhà cầm quyền cộng sản trở nên giàu có do tham nhũng, buôn lậu, v.v... còn dân chúng vẫn nghèo xơ xác, đời sống vô cùng cơ cực. Xã hội Trung Hoa đi đến chỗ băng hoại và nhiễu loạn khắp nơi. Tổng Bí Thư đảng cộng sản Trung Hoa, kiêm chủ tịch nhà nước hiện nay là Hồ Cẩm Đào lại quay về cộng sản nhưng cũng không còn cứng nhắc như trước.

Hai nước Nga và Trung Hoa rơi vào vòng lẩn quẩn như Gorbachev đã tiên liệu.

(Nước Việt Nam rập theo con đường của Trung Hoa, nên xã hội Việt Nam hiện nay cũng bế tắc như xã hội Trung Hoa, có khi còn tệ hại hơn).

Con Đường Thứ Ba Như Thế Nào?

Xin nói ngay: Con đường thứ ba chỉ là nền văn minh nhân bản với ba yếu tố có nhân loại tính là ***nhân bản, nhân tính, nhân chủ***.

- ***Nhân bản***: (lấy con người làm gốc)

- ***Nhân tính***: (Con người cư xử với nhau theo nhân tính tức là tính người, đem tình thương và trí tuệ trải rộng khắp nơi: thương người như thể thương thân, lấy nhân tính làm y cứ cho các tổ chức xã hội).

- ***Nhân chủ***: (Con người tự mình làm chủ đời sống của chính mình, để nhân tính làm chủ tư duy và hành động, chế ngự thú tính, mới loại bỏ được tham vọng và dục vọng là nguồn gốc của tranh chấp, xung đột, chiến tranh).

Nền văn minh nhân bản dựa trên nền tảng triết học mà căn bản là ba qui luật:

1. Tác động hai chiều
2. Đối lập thống nhất
3. Phân công hợp tác

(Với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả đôi bên).

Đề độc gia có một nhận định tổng quát và vững tin vào tương lai nước Việt, người viết xin ghi lại một số điểm liên quan đến việc đi tìm con đường thứ ba của các triết gia trên thế giới (và lý do tại sao đến ngày nay họ chưa tìm ra được). Cuối cùng là nhân loại sẽ tiến tới con đường tất yếu là nền ***văn minh nhân bản***.

II- Hội Nghị Triết Học Thế Giới:

Năm 1943, hội nghị Triết Học Hoa Kỳ đề cử một ủy ban có 5 thành viên, mà nhiệm vụ là nghiên cứu chiều hướng phát triển của tri thức và sứ mạng của triết học, sau những biến cố xã

hội, chính trị, quân sự cùng khoa học, triết học trong mấy chục năm đầu của thế kỷ 20, báo hiệu một biến chuyển lớn lao trong đời sống và tư duy của nhân loại.

Năm 1945, triết gia **Brand Blanshard** (một thành viên trong ủy ban), báo cáo kết quả cuộc nghiên cứu trong cuốn “Philosophy in American Education”: Các yêu cầu lớn về triết học là **thống nhất tri thức** (intergration) **thống nhất tâm thức** (community of mind), **tái giải thích dân chủ** (Reinterpretation of democracy) và **triết học nhân sinh** (philosophy of life).

Triết gia Blanshard chỉ đề nghị và thiếu phần giải thích. Tư tưởng của ông cô đọng quá (và lại đi trước thời đại) nên không gây nên tiếng vang nào.

Trước đó mấy năm, nhà cách mạng Việt kiêm tư tưởng Lý Đông A đã viết nhiều tài liệu (phổ biến từ năm 1942-1945) và đưa ra nhiều quan điểm liên hệ đến căn bản tư tưởng về triết học. Riêng biệt, Lý Đông A đã giải thích rất rõ những điểm mà triết gia Hoa Kỳ đưa ra năm 1945.

Trong tài liệu “**Chìa Khóa Cửa Thắng Nghĩa**”, Lý Đông A đã đưa ra bốn điểm căn bản là:

1- Căn Bản Nghĩa:

Thực tại cho thấy rằng đời sống con người gắn bó chặt chẽ với **tự nhiên** (tức thiên nhiên); con người luôn luôn tiếp xúc với người khác trong xã hội ở mọi sinh hoạt, và luôn luôn nhờ tư tưởng dẫn dắt trong mọi hành động.

Luật tắc của 3 phạm trù **tự nhiên, xã hội** và **tư tưởng** cộng thông với nhau và là một. Sự vận động, kết hợp, lưu hành và diễn tiến của 3 phạm trù là thống nhất.

“**Tự nhiên, xã hội và tư tưởng thống nhất**”. Đó là **căn bản nghĩa**.

2- Căn Bản Học:

“Ba phạm trù tự nhiên, xã hội và tư tưởng” thường hằng vận động thống nhất thì những môn học về 3 phạm trù đó không thể tách rời nhau được khi muốn tìm hiểu hiện tượng sống đến tận nguồn gốc.

Khoa học là môn học tìm tòi sự thực của tự nhiên.

Sử học là môn học tìm hiểu những qui luật về vận động và phát triển của xã hội.

Đạo học là môn học nghiên cứu các qui luật về mọi vận động và phát triển của tư tưởng (trên tâm lý, triết học, lý học).

Theo căn bản nghĩa, ta không thể tách rời ba môn học trên được: không có sự phân chia sử học, khoa học và đạo học (nói chung và triết học nói riêng). Ba môn học đó phải thống nhất thành một môn học duy nhất, tung hợp lại thành những nguyên lý và luật tắc làm nhận thức cho xã hội loài người.

“**Khoa học, sử học, đạo học thống nhất**”. Đó là **căn bản học**.

Căn bản học này chính là điểm “*integration*” nghĩa là **thống nhất tri thức** của triết gia Hoa Kỳ.

3- **Căn Bản Luận.**

Triết học có ba bộ phận nền tảng cần thiết làm căn bản luận giúp cho con người đi sát với thực tại, vì thực tại là tiêu chuẩn của chân lý. Đó là **bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận.**

- **Bản Thể Luận** suy cứu những nguyên lý về bản chất và cứu cánh của sự thực.

Nghiên cứu một hiện tượng là tìm hiểu hiện tượng đó là gì? Hiện tượng đó từ đâu đến và kết thúc như thế nào?

Nhận thức luận tìm tòi những quan hệ giữa tư tưởng và hiện tượng (tâm và xác, tinh thần và vật chất, chủ quan với khách quan, loài người với vũ trụ, v.v...). Nói một cách khác, nhận thức luận tìm hiểu tương quan giữa chất và lượng của hiện tượng, sự vận hành của hiện tượng và những liên hệ của hiện tượng đó với các hiện tượng khác trong vũ trụ.

Phương pháp luận tìm tòi những đường lối, cách thức dẫn dắt tư tưởng, kiến lập tư tưởng, truyền thông tư tưởng để biến tư tưởng thành hành động cụ thể bám sát thực tại.

Như vậy, muốn xây đắp hoặc loại bỏ một hiện tượng trong đời sống con người, ta phải có những luật tắc về mặt tư tưởng như thế nào để khi vận dụng vào hành động, ta phải tiến hành theo phương pháp nào?

Trên nền tảng “tự nhiên, xã hội và tư tưởng thống nhất” ta phải hợp nhất ba bộ phận trên.

“Bản thể luận, nhận thức luận, phương pháp luận thống nhất”. Đó là căn bản luận.

4- **Căn bản quan:**

Đời sống con người được giải thích tùy theo tư tưởng của mỗi phái triết học.

Phái Duy Tâm cho rằng chỉ duy có tinh thần (yếu tố vô hình) sản sinh ra mọi hiện tượng sống.

Phái Duy Vật lại quan niệm rằng hiện tượng sống là do vật chất (yếu tố hữu hình) sản sinh ra.

Phái Duy Sinh là triết phái trung dung, tìm cách dung hòa, vá víu tâm và vật, chủ trương rằng hiện tượng sống khởi điểm từ sinh nguyên, thực ra chỉ là cái tế bào của hữu cơ sinh vật.

Tất cả ba triết phái đều có xu hướng thiên lệch giải quyết sự **sống, còn, nổi, tiến, hóa** của con người.

Thực tại cho ta thấy rằng đời sống của con người do sự vận động và kết hợp của 3 phạm trù vật, tâm, sinh.

“Duy tâm, duy vật, duy sinh thống nhất”. Đó là căn bản quan.

Quan điểm căn bản này chính là điểm “community of mind” nghĩa là thống nhất tâm thức (tức là thống nhất tư tưởng) của triết gia Hoa Kỳ.

Căn bản nghĩa, căn bản học, căn bản luận, căn bản quan là 4 chìa khóa thiết yếu giúp ta có tư tưởng mới để hiểu rõ **triết học duy nhân** của nhà cách mạng Lý Đông A: đó là con đường thực hiện nền văn minh nhân bản để đem lại hòa bình cho nhân loại. **Nền văn minh nhân bản** chính là **con đường thứ ba** mà các triết gia trên thế giới đang đi tìm.

(Trong cuốn **Huyết Hoa**, Lý Đông A đã thẳng thắn phê bình nền dân chủ tư bản Tây phương. **Triết học nhân sinh** cũng đã được Lý Đông A giải thích cặn kẽ trong cuốn **Cương Thường. Hai chữ cương thường không có nghĩa như tam cương, ngũ thường của Nho gia**. Cương thường chỉ mối quan hệ giữa người với người, giữa người với xã hội, giữa các xã hội với nhau, với mục đích giải quyết các vấn đề của loài người để **ổn định xã hội loài người**.)

Hai phần này (dân chủ và triết lý nhân sinh) ở ngoài phạm vi con đường thứ ba này nên người viết không đề cập đến).

Chúng ta thấy Lý Đông A cũng như Brand Blanshard đã đi trước thời đại khoảng 60 năm.

Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt năm 1945. Năm 1949, nhiều triết gia Hoa Kỳ đã triệu tập **“Hội Nghị Triết Học Thế Giới”** (lần thứ nhất) tại Honolulu để tìm phương thức đem lại hòa bình cho nhân loại.

Triết gia lỗi lạc hàng đầu của thế kỷ 20 là Heidegger đã thẳng thắn tuyên bố: **“Văn hóa Tây phương hồng từ nền tảng, đem truyền bá tới đâu thì chỉ gieo máu và nước mắt tới đó”**.

Thế kỷ 20 đã chứng thực lời nói trên.

Nền tảng của văn hóa Tây phương là gì? Đó là nền triết học **duy lý** mà căn bản là luật **mạnh được yếu thua**, tức là luật **tác động một chiều**, dẫn tới luật **đổi lập tiêu diệt** (cộng sản gọi là **mâu thuẫn hủy diệt**). Văn hóa Tây phương có nguồn gốc là văn hóa du mục. Dân du mục sống bằng nghề chăn nuôi súc vật. Họ luôn luôn la hét, đánh đập thú vật lạc đàn nên trọng sức mạnh và có tính hiếu chiến. Do đó, các triết gia Tây phương nghiêng về lý của kẻ mạnh, chỉ chú trọng đến những việc xảy ra trên rừng núi hay trong sông biển. Họ chỉ thấy luật rừng **mạnh được yếu thua** và luật biển **cá lớn nuốt cá bé** (cũng chỉ là luật mạnh được yếu thua). Điều này đã rõ rệt trong thế kỷ 20 vừa qua: **Phát xít và Cộng sản xử dụng luật rừng còn tư bản xử dụng luật biển**.

Luật mạnh được yếu thua (tức là luật tác động một chiều dẫn đến luật đổi lập tiêu diệt) là nguyên nhân của những biến động trong thế kỷ 20. Người tàn sát người bằng quân sự như Phát Xít đã thực hiện. Người áp bức người bằng chính trị (và tàn sát người bằng quân sự) theo chủ trương của Cộng sản. Người bóc lột người bằng kinh tế (và tàn sát người bằng chiến tranh) theo chính sách của tư bản.

Văn hóa Tây phương (gốc du mục) đã gây ra các kết quả vô cùng khốc hại cho nhân loại.

Chúng ta đều biết rằng con người dù là công dân của bất cứ quốc gia nào, bao giờ cũng có tính tốt (hay nhân tính) và tính xấu (hay thú tính). Từ nhiều thế kỷ nay (và riêng thế kỷ 20), con người đã để thú tính chỉ huy hành động của con người nên mới xảy ra việc người tàn sát người. Con người không thể hành động như súc vật không có văn hóa. Con người cần phải **chuyển hóa tâm thức** (nghĩa là thay đổi tư tưởng) để suy nghĩ theo con người có văn hóa, phải thay đổi hành động để nhân tính làm chủ tư duy và hành động. Con người cần phải phát huy nhân tính, để nhân tính chế ngự thú tính, thì con người mới dứt bỏ được những hành động xấu xa giữa người với người, nhất là loại bỏ hành động người tàn sát người. Được như thế, con người mới tỏ ra có văn hóa.

Trong bao nhiêu lâu nay, con người đã chạy theo tiền tài, danh vọng: con người làm nô lệ cho tiền tài, danh vọng vì con người chưa có tinh thần **tự chủ**. Con người chưa làm chủ chính mình để **tự thắng**; nói cách khác, con người chưa có tinh thần **nhân chủ** nên mới chưa chế ngự được thú tính, và hành động như súc vật không có văn hóa.

Nền văn hóa Tây phương hòng từ nền tảng nên không thể tiếp tục đem phổ biến trong xã hội nhân loại được nữa. Nhiều triết gia thấy rằng cần phải có một nền văn hóa mới thay thế văn hóa Tây phương: đó là **con đường thứ ba** để đem lại hòa bình cho nhân loại.

Marilyn Ferguson đã viết trong cuốn *The Aquarian Conspiracy* (trang 422) của nhà xuất bản Putman's Sons (New York): "...theo nhận định của các thức giả hiện đại Tây phương, chúng ta đang bước vào **kỷ nguyên Thái Bình Dương**, chẳng những về mặt kinh tế mà cả về văn hóa nữa. Kỷ nguyên này có thể tiên báo một sự kiện vô tiền khoáng hậu: không phải là một trật tự thế giới mới mà là một "nền văn hóa thế giới mới."

(Trích bài của Thường Nhược Thủy, tr 54, cuốn *Đạo Sống Việt* của tử sách Việt Thường, xuất bản tại Houston năm 2000).

Trong cuộc hội nghị triết học thế giới lần thứ nhất (năm 1949) tại Honolulu, các triết gia đã loại bỏ nền triết học duy lý của Tây phương, và hướng sang Đông phương với hy vọng tìm được một nền triết học làm nền tảng cho nền văn hóa mới có thể đem lại hòa bình cho nhân loại. Các triết gia chỉ thấy có ba khuôn mặt lớn là **Thích Ca Mâu Ni, Lão Tử** và **Khổng Tử**, thủy tổ của **Phật Giáo, Lão Giáo** và **Khổng Giáo**.

Các triết gia trên thế giới loại bỏ ngay Thích Ca là vị sáng lập ra Phật giáo vì không muốn dính líu đến tôn giáo, e ngại phản ứng của những giáo phái khác (như Ki Tô, Hồi Giáo....) có thể xảy ra chiến tranh tôn giáo thì đương nhiên không thể đem lại hòa bình cho nhân loại.

Chỉ còn lại Lão Tử và Khổng Tử.

1- Lão Tử:

Lão Tử tên là Lý Nhĩ, tự lão Đam, sinh tại nước Sở khoảng 500 năm trước Công Nguyên (TCN), đồng thời với Thích Ca và Khổng Tử. Lão Tử nổi danh là một đại hiền triết của nước Sở, thuộc Bách Việt.

(Năm 214 TCN, nước Sở bị Tần Thủy Hoàng thôn tính, rồi sát nhập vào Trung Hoa, nên sử sách Trung Hoa đều gọi Lão Tử là người Hoa - chứ không nói Lão Tử là người Bách Việt - nên nhiều nhà trí thức Việt Nam vẫn định ninh Lão Tử là người Hoa).

Lão Tử soạn ra cuốn Đạo Đức Kinh vào thời Chiến Quốc (736 - 221 TCN) luôn luôn có chiến tranh giữa các nước của Trung Hoa. Chủ trương của Lão Tử là sống theo **Đạo** tức là theo **luật tuần hoàn của thiên nhiên** (hay tự nhiên).

Đạo là mẹ của vạn vật. Đạo sinh ra âm dương, từ đó mới có trời đất, rồi vạn vật. Muôn loài sinh ra, rồi lại trở về đạo: đó là luật tuần hoàn của tự nhiên.

Từ đạo mới có đức: đạo bao la còn đức ở trong con người. Sống hợp với đạo là người có đức.

Chủ trương của Lão là không làm điều gì trái với tự nhiên. Hậu thế gọi là thuyết vô vi, nên cho Lão là bi quan, yếm thế, xa lìa trần thế, thì xã hội không thể có tiến bộ và đạt tới văn minh được.

Có điểm nên lưu ý là Lão không có quan niệm **Thuộng Đế**, còn Khổng Tử đề cao **thiên mệnh**.

Sống theo chủ trương của Lão, con người mới chế ngự được tham vọng, dục vọng là nguyên nhân của tranh chấp, xung đột, chiến tranh.

Lão Tử thấy xã hội loạn ly thời chiến quốc, khó có thể đem đạo ra phổ biến được, nên Lão bỏ vào núi rồi mất tích.

Sử sách Trung Hoa xuyên tạc, bảo Lão Tử vào núi tu tiên, nên sinh ra **Đạo Giáo Thần Tiên**, về sau lại sinh ra thêm **Đạo Giáo Phù Thủy** đầy mê tín dị đoan. Các triết gia Tây phương có thể không ngờ đến việc xuyên tạc của người Hoa, nên cũng loại bỏ luôn Lão Tử, tuy rằng có một số triết gia đã nhận định: “Cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử chỉ có khoảng 5,000 chữ (xin nhớ: năm ngàn chữ) mà chứa đựng tất cả sự khôn ngoan của loài người.:

Kết quả chỉ còn lại Khổng Tử.

2- **Khổng Tử:**

Khổng Tử (551 - 479TCN) tên là Khâu, tự Trọng Ni, sinh tại nước Lỗ (tỉnh Sơn Đông thuộc Đông Bắc Trung Hoa). Sau khi đi du học vào năm 28 tuổi, Khổng Tử trở về nước Lỗ để dạy học.

Về sau, Khổng được vua Lỗ cử giữ chức tương tự tể tướng. Chỉ bảy ngày sau, Khổng hạ lệnh chém đầu một đại phu; giữ chức được 15 ngày, Khổng Tử ra lệnh chém đầu hai tử tội, mà không khoan dung giảm tội cho họ (không biết lòng nhân của Khổng Tử có không, mà các môn sinh của Khổng Tử đã đề cao chữ nhân (?), khởi điểm cho **ngũ thường** là **nhân, nghĩa, lễ, trí, tín**).

Để rõ lòng dạ của Khổng, xin ghi thêm ý kiến của Vương Sóc, nhà văn nổi tiếng hàng thứ ba sau Lỗ Tấn và Kim Dung, đã viết trong sách “Người đẹp tặng ta thuốc bùa mê” (trang 172)

Ông ta (Khổng Tử) đi chu du một loạt nước, chẳng qua để kiếm một chút chức tước. Ông ta nói nhân nghĩa, nhưng khi đã được làm quan rồi thì cũng độc ác tàn nhẫn như thường, làm được mấy ngày chức Đại tư khấu thì giết luôn Thiếu Chính Mão.

Như vậy, Khổng đã “nói một đằng, làm một nẻo” không khác gì bọn gian thương “treo đầu heo, bán thịt chó” theo tục ngữ Việt.

Khổng chủ trương dùng chính danh (danh chính thì ngôn thuận). Nếu danh không chính thì ngôn không thuận nên luật lệ sẽ không được nghiêm minh: đó là nguồn gốc của loạn ly.

Về sau, vua Lỗ ham mê nữ sắc, lơ là việc triều chính nên Khổng xin từ chức.

Khổng chú trọng đến sự liên hệ trời, đất, người (thiên địa nhân) và chủ trương con người phải chịu mệnh trời (thiên mệnh), nên phải phục tùng con trời là thiên tử nhà Chu, thay trời trị dân. Do đó, Khổng chủ trương các nước chư hầu phải phục tùng nhà Chu.

Sau khi từ chức ở nước Lỗ, Khổng đi chu du các nước Vệ, Tấn rồi Tống. Nước nào cũng ở tình trạng loạn ly, giặc dã khắp nơi nên không có nước nào trọng dụng Khổng. Mục đích của Khổng là muốn kiếm một chức tước tại một nước, rồi thuyết phục các nước chư hầu phải xem nhà Chu là minh chủ, nhưng Khổng đã thất bại, vì nước nào cũng muốn trở nên mạnh để thôn tính nước khác, thống nhất thiên hạ chứ không chịu phục tùng nhà Chu.

Sau cùng, Khổng trở về nước Lỗ, san định lại các sách và dạy học. Khổng mất năm 479 TCN, hưởng thọ 72 tuổi. Môn sinh của Khổng khoảng 3 ngàn người, suy tôn Khổng là bậc **đại hiền**, là **vạn thế sư**.

Ghi thêm:

Nước Đại Việt vào thời Hậu Lê đã đưa Nho Giáo của Khổng lên hàng mạnh nhất trong Tam Giáo (Nho, Lão, Phật). Các nhà khoa bảng thời đó và các triều đại sau đều đề cao tư tưởng **tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ** của Khổng (gọi tắt là tu, tề, trị, bình). Ngày nay, nhiều nhà trí thức, đại trí thức Việt Nam cũng đề cao chủ trương đó và coi như khuôn vàng thước ngọc phải thực hiện. Chúng ta hãy xét quan điểm này.

Tu thân: đây là điều cần thiết cho tất cả mọi người. Tu thân để trở thành con người đức độ, được mọi người kính nể thì mọi việc sẽ được giải quyết dễ dàng.

Câu viết cho ta thấy rằng: tu thân để tề gia, rồi trị quốc, sau đó là bình thiên hạ. Theo quan điểm của Khổng, tề gia thì có tình trạng **chồng chúa vợ tôi** trong gia đình; trị quốc thì xã hội theo chủ trương **trọng nam khinh nữ**.

Bình thiên hạ: Các nước chư hầu thời Chiến quốc phải tuân theo mệnh lệnh của thiên tử nhà Chu. Theo chủ trương của Khổng, nước nào cưỡng lại, không chịu phục tùng nhà Chu thì

nước bá chủ (nước chư hầu mạnh nhất) sẽ đem binh đến hỏi tội để buộc nước đó phải trở về là **nước chư hầu** và tuân theo mệnh lệnh nhà Chu. Khổng chủ trương dùng quân sự để bình định thiên hạ bắt phục tùng nhà Chu.

Chúng ta thấy đây là não trạng của con người gốc du mục (trọng sức mạnh, trọng nam khinh nữ, trọng kỷ luật). Các sắc dân du mục theo luật mạnh được yếu thua nên nước mạnh dùng chiến tranh để khuất phục nước yếu.

Chủ trương tu, tề, trị, bình của Khổng giáo chỉ thích hợp với nước Trung Hoa (gốc văn hóa du mục), chứ không phù hợp với xã hội Việt (gốc văn hóa nông nghiệp).

Đối với nước Việt có gốc văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, người dân Việt thiên về tình cảm (chứ không thiên về sức mạnh), chủ trương **nam nữ bình đẳng** để phân công hợp tác trong xã hội (nông nghiệp) cũng như trong gia đình. Do đó, không hề có tình trạng trọng nam khinh nữ trong xã hội và chồng chúa vợ tôi trong gia đình. Chủ trương tề trị bình không thích hợp với dân Việt. Chủ trương bành trướng của tộc Hoa gốc du mục sang các nước láng giềng, vẫn tồn tại đến ngày nay)

Sau khi Hán Cao Tổ thống nhất Trung Hoa - trong đó có việc sát nhập Bách Việt - các vua những triều đại về sau như Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, rồi đến các lãnh tụ Trung Hoa Quốc Gia như Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch và gần đây các lãnh tụ Trung Hoa Cộng Sản như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân và hiện nay là Hồ Cẩm Đào đều mắc “hội chứng Đại Hán” nên tất cả đều muốn bành trướng đất đai (binh thiên hạ và sau này là thiên triều Hán tộc chủ nghĩa) ra chung quanh; riêng biệt, các lãnh tụ Trung Hoa đều muốn thôn tính Việt Nam để làm bàn đạp xuống phương Nam, làm bà chủ vùng Đông Nam Á, sau đó đến thiên hạ. Lịch sử Việt đã nhiều lần chứng minh dã tâm đó của người Hoa.

Người Việt ngày nay cần đề cao cảnh giác về giấc mộng xâm lăng của người Hoa.

Tiếp thay, từ triều đại Hậu Lê đến triều đại Nguyễn (Gia Long), các sĩ tử Việt khi đã đậu cử nhân, tiến sĩ Hán học, được bổ ra làm quan, đều đem thực thi những điều đã học trong Tứ Thư Ngũ Kinh của Khổng Giáo (mà họ đề cao là chữ nghĩa thánh hiền) nên mới phát sinh (tại thành thị) tình trạng trọng nam khinh nữ trong xã hội Việt và tình cảnh chồng chúa vợ tôi trong gia đình. Tinh thần “tự ti dân tộc” cũng đã nảy sinh, rồi đầu óc vọng ngoại (Trung Hoa) cũng nảy nở.

Nông dân Việt bị ảnh hưởng rất ít nhờ có **huương ước** và tinh thần **hòa cả làng** nên nông dân Việt vẫn duy trì được tính **phân công hợp tác** trong gia đình và thôn xóm xã ấp, chủ trương **nam nữ bình đẳng** vẫn y nguyên, không thay đổi. Tinh thần vọng ngoại cũng chưa phát sinh nên nông dân Việt vẫn duy trì được tinh thần bất khuất, nhất quyết chống trả các cuộc xâm lăng của ngoại bang.

Cho đến ngày nay, rất nhiều nhà trí thức Việt không nghĩ rằng tình trạng trọng nam khinh nữ và tình cảnh chồng chúa vợ tôi chỉ mới có tại đất Việt khoảng năm, sáu trăm năm nay (từ thời Hậu Lê, khi Nho giáo trở nên mạnh nhất trong tam giáo) mà lại cho rằng đó là truyền thống của văn hóa Việt. Thật đáng chê trách. Tinh thần “mặc cảm tự ti dân tộc” vẫn còn tồn tại ở nhiều nhà trí thức (theo văn hóa Tây phương); từ đó phát sinh ra tinh thần **trọng ngoại, úy ngoại** rồi **vọng**

ngoại. Tinh thần yếu đuối này đến bao giờ mới chấm dứt? Thật đáng buồn cho đa số những khoa bảng, trí thức Việt.

III- Nền Văn Minh Nhân Bản:

Trở lại Hội Nghị Triết Học Thế Giới lần thứ nhất năm 1949 tại Honolulu, sau khi loại bỏ Thích Ca và Lão Tử, chỉ còn lại Khổng Tử, các triết gia Tây phương không còn lựa chọn nào nữa, đành chấp nhận Khổng Tử làm “nhạc trưởng” cho cuộc hòa tấu bản nhạc hòa bình, với niềm hy vọng triết học của Khổng có thể đem lại hòa bình cho nhân loại.

Qua vài kỳ họp kế tiếp, các triết gia mới nhận ra rằng chính triết thuyết của Khổng cũng không đem lại được hòa bình cho nước Lỗ (quê hương của Khổng) và Trung Hoa thì triết thuyết của Khổng làm sao có thể đem lại hòa bình cho nhân loại đang sống trong một thế giới chỉ thấy chiến tranh và chiến tranh, không khác gì thời Chiến quốc của Trung Hoa lúc sinh thời của Khổng. Các triết gia lại loại bỏ nốt Khổng, rồi tiếp tục họp để tìm **con đường thứ ba** với **nền văn hóa mới**.

Trong gần 50 năm (1949 - 1998) với 17 phiên họp, các triết gia trên thế giới vẫn chưa tìm ra được phương thức xây dựng nền hòa bình cho nhân loại.

Đến năm 1998, các triết gia triệu tập **Hội Nghị Triết Học Thế Giới** lần thứ 18 tại nước Anh. Hội nghị quy tụ hơn 200 triết gia thuộc 70 phái đoàn các nước. Ba phái đoàn Hoa Kỳ, Pháp và Nga có nhiều triết gia hơn cả. Các triết gia và giáo sư triết học đã loại bỏ ba chủ nghĩa **duy tâm, , duy vật, duy sinh** và nhìn thẳng vào thực tại: Vấn đề của **loài người** phải do **con người** định đoạt. Con người đã gây ra chiến tranh thì chính con người mới xây dựng được hòa bình, chứ không phải ý muốn của thần linh hay thượng đế.

Các triết gia đưa ra các chủ đề về con người như sau:

- Thực thể của con người với tính cách là đối tượng của triết học.
- Thực thể con người: bản chất, tinh thần và tính cộng đồng.
- Lịch sử xã hội và con người.
- Vai trò nhận thức của con người.
- Hiện tại và tương lai của nhân loại.

Như vậy, các triết gia đã lấy con người làm tiền đề triết học, nghĩa là lấy con người làm gốc: đó là yếu tố **nhân bản** (nhân = người, bản = gốc) của nền **văn hóa mới**.

Các triết gia mới thấy một yếu tố về nền văn hóa mới. Ngoài vấn đề nhân bản, họ cũng chưa có thêm ý kiến gì khác và cũng chưa tìm ra nền triết học làm nền tảng cho nền văn hóa mới.

Chúng ta biết rằng: lấy con người làm gốc thì mọi hiện tượng sống được tạo ra **bởi người, vì người và cho người**. Do đó, sứ mệnh của con người trong xã hội là phục vụ người, vì người, cho người, chứ không phải vì tham vọng, dục vọng, vì tiền tài danh vọng. Từ những điểm căn bản đó, chúng ta mới có thể tìm ra những yếu tố có **nhân loại tính** của nền văn hóa mới cùng những qui luật triết học làm nền tảng cho nền văn hóa mới.

Tại sao các triết gia trên thế giới lại chưa tìm ra phương thức đem lại hòa bình cho nhân loại?

Chúng ta có thể nói: các triết gia Tây phương thuộc sắc dân gốc du mục (đặc tính là: trọng sức mạnh, hiếu chiến, coi thường thiên nhiên) nên trong nhiều thế kỷ nay, họ chỉ quan tâm đến lý của kẻ mạnh (luật mạnh được yếu thua).

Chúng ta biết rằng dân gốc du mục di chuyển nay đây mai đó, nơi nào có đồng cỏ mênh mông để nuôi súc vật là họ dừng chân ở đó, nên dân du mục không quan tâm đến địa lý, khí hậu; do đó, họ không coi trọng thiên nhiên.

Trời nắng quá nhiều gây ra hạn hán, hoặc khí hậu quá lạnh, tuyết rơi nhiều, hay trời giông bão, dân du mục sẽ bỏ ngay nơi đó để đi đến nơi khác mà thời tiết không khắc nghiệt. Do đó, khí hậu, thời tiết đối với dân du mục không quan trọng bằng những cánh đồng cỏ. Đó là nguyên nhân của tinh thần *coi thường thiên nhiên*. Với tâm trạng đó, người tây phương mới tìm cách *chinh phục thiên nhiên*.

Ngoài ra, thiên nhiên có thể tiêu diệt con người do các thiên tai như giông bão, lụt lội, động đất, cháy rừng v.v...nên người tây phương coi thiên nhiên như kẻ thù. Họ không thể tiêu diệt được thiên nhiên nên họ tìm cách chế ngự thiên nhiên. Từ suy nghĩ đó, người Tây phương mới tìm cách đổ bộ xuống mặt trăng, phóng vệ tinh lên không trung để thám hiểm Hỏa Tinh. Họ tìm cách cải biến genes của cây thực phẩm, súc vật để tăng gia sản xuất (họ chỉ lưu tâm đến lượng chứ không nghĩ đến phẩm). Họ còn thực hiện *sản sinh vô tính* để *đoạt quyền tạo hóa*.

Vì coi thường thiên nhiên, người Tây phương không có quan niệm rộng rãi về *âm dương* nên mới chấp nhận đồng tính luyến ái.

Tâm lý coi thường thiên nhiên khiến người Tây phương chịu khó tìm tòi, sáng tạo nên khoa học mới phát triển mạnh, từ đó đời sống vật chất của con người mỗi ngày mỗi tươi đẹp hơn. Tuy nhiên, sự phát triển công kỹ nghệ làm ô nhiễm môi sinh rất tai hại cho sức khỏe con người. Trái đất nóng dần, nhiệt độ tăng nên khó lường được kết quả khốc hại. Người mắc bệnh tâm thần chỉ tăng chứ không giảm. Nhiều chứng bệnh kỳ lạ đã xảy ra cho loài người và súc vật (viêm phổi cấp tính, cúm gia cầm, bò điên v.v...)

Chính vì coi thường thiên nhiên, người Tây phương không tìm hiểu đến nơi đến chốn các qui luật triết học trong thiên nhiên đã chi phối đời sống loài người: luật tác động một chiều dẫn đến luật đối lập tiêu diệt (khiến một yếu tố biến mất, chỉ còn một yếu tố), và luật tác động hai chiều dẫn đến luật đối lập thống nhất (nên cả hai yếu tố đều tồn tại), qua các hiện tượng thiên nhiên có liên hệ trực tiếp đến đời sống con người như sáng tối (hay ngày đêm) và nóng lạnh (để có bốn mùa xuân hạ thu đông).

Tuy rằng các khoa học gia Tây phương đã khám phá ra luật vạn vật hấp dẫn, nhưng rất có thể họ chỉ quan niệm đó là qui luật khoa học của vật chất liên quan đến vạn vật, nhất là đối với các tinh tú và hành tinh. Trên mặt đất, họ chỉ lưu tâm đến luật của sức mạnh (vì họ thuộc các sắc dân gốc du mục) nên chỉ biết đến luật rừng mạnh được yếu thua và luật biển cá lớn nuốt cá bé. (cũng chỉ là luật mạnh được yếu thua). Luật rừng và luật biển chỉ là luật tác động một chiều dẫn

đến luật đối lập tiêu diệt (một mất, một còn). Do đó, họ không biết đến luật tác động hai chiều dẫn đến luật đối lập thống nhất (cả hai yếu tố đối lập đều tồn tại).

Phần trên cho phép ta suy đoán rằng: chỉ có sắc dân gốc nông nghiệp, nhất là nông nghiệp trồng lúa nước (trọng tình cảm, hiếu hòa, coi trọng thiên nhiên) - trong các sắc dân đó, có Việt Nam - mới có thể tìm ra được những yếu tố căn bản của nền văn hóa mới cùng những qui luật triết học làm nền tảng cho nền **văn hóa mới**.

Các triết gia Tây phương cũng đã loại bỏ ba chủ nghĩa duy tâm, duy vật và duy sinh vì các chủ nghĩa đó chỉ đem lại chiến tranh giữa các dân tộc, gây ra chuyện người tàn sát người nên không đem lại hòa bình cho nhân loại và hạnh phúc cho loài người.

Nói cho đúng, ba chủ nghĩa duy vật, duy tâm và duy sinh chỉ là phương tiện của con người (các nhà lãnh đạo các nước tư bản, cộng sản, phát xít) để gây ra chiến tranh với mục đích thỏa mãn những tham vọng, dục vọng của họ.

Cuối cùng, các triết gia trong Hội Nghị Triết Học Thế Giới lần thứ 18 tại Anh vào năm 1998, đã lấy con người làm tiền đề triết học nghĩa là lấy con người làm gốc: đó là **yếu tố nhân bản** của nền văn hóa mới.

Một yếu tố nhân bản không đủ để loài người đạt đến văn minh nhân bản. Tại sao vậy? Chúng ta đều biết rằng thế giới tự do theo duy tâm, thế giới cộng sản theo duy vật, và các nước phát xít theo duy sinh, đều đã sử dụng con người trong mọi sinh hoạt liên quan đến kinh tế, chính trị, quân sự, trong thương mại, kỹ nghệ tuy rằng trên lý thuyết họ thiên về tinh thần (phái duy tâm) hay vật chất (phái duy vật), hoặc vá víu tinh thần và vật chất (phái duy sinh). Họ sử dụng con người, nhưng không tôn trọng con người mà chỉ coi con người là phương tiện để đạt được tham vọng, dục vọng nên mới gây ra chiến tranh đưa đến việc người tàn sát người.

Chúng ta có thể nói: các triết gia Tây phương khó lòng tìm ra thêm những yếu tố khác nữa ngoài yếu tố nhân bản vì họ không nhìn vào thực tại để tìm ra chân lý.

Thực tại cho thấy rằng các nước tư bản theo chủ nghĩa duy tâm, coi rất trọng phần tinh thần, còn vật chất là thứ yếu. Tuy nhiên, con người duy tâm lại lao tâm khổ trí (tinh thần không thoải mái, nhiều khi căng thẳng) để có đời sống vật chất thật cao (đầy đủ tiện nghi). Như vậy, con người duy tâm lại sống theo duy vật rồi. Ta có thể kết luận: **tinh thần rất cần sự hỗ trợ của vật chất**.

Tương tự, con người cộng sản thiên về vật chất và coi nhẹ phần tinh thần, nhưng thực tại cho thấy đời sống của dân chúng tại các nước cộng sản rất cơ cực. Nhà cầm quyền phải kích động tinh thần dân chúng để có thể phát triển kinh tế. Như vậy, **vật chất rất cần sự hỗ trợ của tinh thần**.

Các nước phát xít theo chủ nghĩa duy sinh, chủ trương con người phải thật mạnh, quốc gia phải hùng cường. Nhà cầm quyền muốn dựa vào sức mạnh quân sự để làm bá chủ thế giới, nô lệ hóa các nước khác. Nhưng con người không phải chỉ có mục đích **cầu sinh như súc vật** (theo luật mạnh dục yếu thua), mà phải sinh sống theo cách thức của loài người.

Thực tại cho thấy con người là tổng hợp của **tinh thần, vật chất và sinh mệnh** (mạng sống của con người phải theo đường sống của con người, chứ không phải sống như súc vật), cho nên mỗi triết phái duy tâm, duy vật và duy sinh chỉ phản ánh một khía cạnh của con người, nên sự thất bại của những chủ nghĩa đó là điều không thể tránh được.

Như vậy, chúng ta phải thống nhất (chứ không phải loại bỏ như chủ trương của các triết gia Tây phương) ba chủ nghĩa duy tâm, duy vật và duy sinh thành một chủ nghĩa lấy con người làm gốc, có thể gọi là **duy người** hay **duy nhân**.

Đó là nền tảng của nền văn hóa mới để thực hiện nền văn minh nhân bản, lấy con người làm gốc. Nền văn minh nhân bản sẽ dựa trên nền tảng triết học nào?

Chúng ta biết rằng trong thiên nhiên chỉ có hai qui luật chi phối đời sống loài người: **luật tác động một chiều dẫn đến luật đối lập tiêu diệt** và **luật tác động hai chiều dẫn đến luật đối lập thống nhất**.

Trong bao nhiêu lâu nay và riêng biệt thế kỷ 20, con người đã sử dụng luật rừng mạnh được yếu thua hay luật biển cá lớn nuốt cá bé, nghĩa là con người đã sử dụng luật tác động một chiều và luật đối lập tiêu diệt nên loài người chỉ thấy chiến tranh liên miên. Như vậy, muốn xây dựng hòa bình, con người chỉ có cách duy nhất là áp dụng luật tác động hai chiều và luật đối lập thống nhất. Tuy nhiên, qui luật trong thiên nhiên cần có sự điều chỉnh khi chuyển sang xã hội nhân loại.

Con người khi đã chuyển hóa tâm thức (nghĩa là thay đổi tư tưởng) thì nhân tính sẽ làm chủ tư duy và hành động. Trong sự giao dịch về văn hóa, chính trị và kinh tế giữa người với người (tác động hai chiều). Con người phải tỏ ra có thành tâm thiện chí khi giao dịch, phải tôn trọng lẫn nhau trong tinh thần bình đẳng (không cậy mạnh để uy hiếp kẻ yếu), dung hòa những ý kiến dị biệt, đối lập để thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động (đối lập thống nhất). Sau đó, phải có sự phân công rõ ràng để đôi bên cùng có lợi (người được lợi điều này thì phải chịu thiệt thòi điều khác để đối phương có lợi), rồi hợp tác để cùng nhau hành động, ngõ hầu đem lại hạnh phúc cho cả đôi bên. Như vậy, con người phải tuân theo ba qui luật:

- 1- Tác động hai chiều
- 2- Đối lập thống nhất
- 3- Phân công hợp tác.

(với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả đôi bên).

Một nền văn hóa mới dựa trên nền tảng triết học mà căn bản là ba qui luật trên, sẽ đưa nhân loại đến một nền văn minh mới là nền văn minh nhân bản lấy con người làm gốc (nhân bản) với yếu tố nhân chủ (con người làm chủ chính mình) để phát huy nhân tính (tính tốt) để loại bỏ tính xấu tức thú tính. Thế giới sẽ đi đến hòa bình, con người sẽ tìm được hạnh phúc trong một xã hội thanh bình.

Từ nhiều thế kỷ vừa qua cho tới ngày nay (2005), con người còn nhiều tham vọng, dục vọng, làm nô lệ cho tiền tài danh vọng, để thú tính làm chủ tư duy và hành động. Con người

thiếu tinh thần tự chủ, chưa làm chủ được chính mình, nghĩa là thiếu tinh thần nhân chủ, nên chưa thể tự thắng để chế ngự tham vọng, dục vọng là nguyên nhân của tranh chấp, xung đột, chiến tranh. Do đó, con người cần phải phát triển tâm linh, nghĩa là phát triển tình thương (tâm) và trí tuệ (linh), tức là linh hồn) trải rộng ra khắp mọi nơi, đến khắp mọi người.

Từ đó, con người sẽ chuyển hóa tâm thức (nghĩa là thay đổi tư tưởng) để nhân tính chế ngự thú tính, để nhân tính làm chủ tư duy và hành động.

Tóm lại, con người cần phải có ***tư tưởng nhân bản, phát huy nhân tính*** và ***tinh thần nhân chủ*** mới có thể xây dựng được nền ***văn minh nhân bản***

Một câu hỏi được đặt ra như sau: dân tộc nào sẽ thực hiện trước tiên trên thế giới nền văn minh nhân bản với ba yếu tố có nhân loại tính là nhân bản, nhân tính, nhân chủ, và dựa trên nền tảng triết học mà căn bản là ba qui luật:

- 1- Tác động hai chiều
- 2- Đối lập thống nhất
- 3- Phân công hợp tác.

(với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả đôi bên.)

Chúng ta biết rằng sắc dân các nước Tây phương cũng như Trung hoa có gốc du mục, nên có tính hiếu chiến, chỉ biết luật mạnh được yếu thua tức là luật tác động một chiều với luật đối lập tiêu diệt nên không thể nào đem lại hòa bình cho nhân loại, như lịch sử đã chứng minh.

Chỉ có những sắc dân gốc nông nghiệp với tính hiếu hòa, trọng tình cảm, trọng thiên nhiên mới có thể đem lại hòa bình cho nhân loại. Riêng biệt, dân Việt có gốc nông nghiệp trồng lúa nước, lại là giòng dõi Tiên Rồng (Âm Dương đối lập thống nhất) nên mới có thể thực hiện được nền văn minh nhân bản.

Chúng ta biết rằng thiên nhiên có trước loài người; con người phải nương tựa vào thiên nhiên để sinh sống. Nói cách khác, chính thiên nhiên đã nuôi dưỡng con người; vì vậy, con người phải tôn trọng thiên nhiên (đó là quan điểm của dân gốc nông nghiệp). Nếu con người coi thường thiên nhiên (dân gốc du mục) rồi phá hoại thiên nhiên (làm ô nhiễm môi sinh như hiện nay) thì chính con người đã tự hại mình vì đã phá hoại yếu tố nuôi dưỡng mình. Đó là lỗi lầm to lớn của tư bản Tây phương (và gần đây Trung Hoa, Nhật bản) coi thường thiên nhiên nên đã để các nhà máy kỹ nghệ phóng thải bừa bãi các chất độc hóa học vào không trung và biển cả nên đã làm ô nhiễm môi sinh và làm nóng trái đất. Hậu quả là gây ra nhiều ảnh hưởng tại hại cho loài người, bắt chấp khuyến cáo của các khoa học gia quốc tế.

Câu ***“trời sinh, đất dưỡng”*** và ***“cha sinh, mẹ dưỡng”*** của người Việt Nam chứng tỏ rằng dân Việt đã hiểu rõ thái độ của con người phải tôn trọng thiên nhiên như cha mẹ, nên tuyệt đối ***không bao giờ phá hoại thiên nhiên.***

Với não trạng hiếu chiến, trọng sức mạnh, với nền kinh tế hiện nay phát triển mạnh, sắc dân các nước Tây phương, Trung Hoa, Nhật Bản còn nhiều tham vọng, dục vọng nên không thể nào thực hiện được nền văn minh nhân bản. Khi nào và chỉ khi nào, họ thấy các nước Đông Nam Á

(khởi đầu là Việt Nam) sống theo nền văn minh nhân bản, lúc đó may ra họ mới tỉnh ngộ mà **phát triển tâm linh** (phát triển *tình thương* và *trí tuệ*) để có cuộc **chuyển hóa tâm thức** (thay đổi tư tưởng từ hiếu chiến sang hiếu hòa, chế ngự tham vọng và dục vọng) thì họ mới có thể thực hiện được nền văn minh nhân bản. Hy vọng rằng điều này sẽ xảy ra vào khoảng giữa thế kỷ 21 này.

Sau khi đã loại bỏ các sắc dân gốc du mục, chỉ còn lại các sắc dân gốc nông nghiệp, nhất là nông nghiệp trồng lúa nước mới có thể thực hiện được nền văn minh nhân bản. Riêng biệt, dân Việt thời Hùng Vương (cách ngày nay gần năm ngàn năm) đã có đời sống thực tiễn hiếu hòa: theo từ ngữ hiện đại, đó là **triết lý sống** của dân Việt cổ hay **Đạo Sống Việt**. Theo triết học, người dân Việt thời Hùng Vương đã sống theo nền văn minh nhân bản.

Trong khi tộc Hoa có cuộc sống du mục du cư, tộc Việt đã sống định canh định cư để trồng trọt, cấy cấy, nhất là trồng lúa nước. Muốn gặt hái được kết quả tốt đẹp trong nông nghiệp, dân Việt phải quan sát các hiện tượng thiên nhiên!

“*Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.*”

Óc thực tiễn để giải quyết công việc nảy sinh từ đó. Việc cấy cấy, nhất là trồng lúa nước, không thể đơn phương thực hiện. Người trong gia đình, thôn xóm giúp đỡ lẫn nhau để xới đất, gieo mạ, cấy lúa, bón phân, tưới nước...đó là sự **“giao dịch”** giữa dân làng, thôn xóm (ngày nay gọi là **tác động hai chiều**).

Để gặt hái được kết quả tốt đẹp trong nông vụ, mọi người phải chung lưng góp sức trong công việc đồng áng, dung hòa những ý kiến khác nhau (thường đối nghịch nhau) để thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động (ngày nay gọi là **đối lập thống nhất**). Mọi người đều sống hài hòa (tinh thần hòa cả làng). Tình thương yêu nhau nảy sinh từ hành động thực tiễn trong nông nghiệp, nên mọi người đều sống yên vui, hạnh phúc.

Công việc nặng nhọc sẽ do những người khỏe mạnh đảm nhận; công việc nhẹ nhàng do những người yếu sức phụ trách. Sự phân công, hợp tác đã tỏ rõ long thành tâm thiện chí của mọi người trong tinh thần bình đẳng, không phân biệt nam nữ, giai cấp (cầm quyền hay dân chúng) khỏe mạnh hay yếu đuối.

Tóm lại, đời sống thực tiễn của nông dân Việt đã được những thể hệ sau mô tả bằng ba qui luật triết học:

- 1- Tác động hai chiều
- 2- Đối lập thống nhất
- 3- Phân công hợp tác.

(với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả hai bên).

Chúng ta thấy ba qui luật trên chính là ba qui luật căn bản của nền tảng triết học liên quan đến nền văn minh nhân bản trình bày ở phần trên.

Xã hội Lạc Việt thời Hùng Vương là xã hội nông nghiệp. Công việc đồng áng (cày bừa, gieo giống, cấy mạ, bón phân, tưới nước) đều do con người thực hiện. Dân Việt đã lấy con người làm gốc để giải quyết nông vụ. **Đó là yếu tố nhân bản.**

Đời sống thực tiễn của nông dân cho thấy mọi người trong thôn xóm, xã ấp, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc đồng áng, đùm bọc nhau, thương yêu nhau. Người nông dân Việt đã hành xử với nhau theo **nhân tính**.

Đời sống của dân Lạc Việt thời Hùng Vương còn đơn sơ, mộc mạc, nên nông dân không có tham vọng, dục vọng cần phải chế ngự. Trong công việc nơi đồng ruộng, nông dân Việt đã có tinh thần tự chủ để giải quyết mọi công việc trông trọt, cây cấy. Nông dân Việt đã làm chủ chính mình: đó là **tinh thần nhân chủ**.

Tóm lại, đời sống thực tiễn của dân Lạc Việt thời Hùng Vương chứng tỏ rằng dân Việt đã đạt được một nền văn hóa cao với ba yếu tố **nhân bản, nhân tính** và **nhân chủ**, dựa trên nền tảng triết học mà căn bản là ba qui luật kể trên.

Chúng ta có thể kết luận: đem chữ nghĩa hóa đời sống thực tiễn của nông dân Việt thời Hùng Vương thì dân Việt đã thực hiện nền văn minh nhân bản gần năm ngàn năm trước ngày nay.

Muốn để lại cho hậu thế con đường sáng lạn phải theo để mọi người sống trong một xã hội thanh bình, dân Việt đã tạo ra huyền thoại Tiên Rồng qua cuộc hôn nhân của Âu Cơ và Lạc Long Quân được thần thoại hóa thành Mẹ Tiên và Cha Rồng.

Tiên và Rồng là hai nhân vật tưởng tượng, không có thật. Tiên được coi là người đã thăng hoa (nghĩa là trở nên tuyệt vời), biểu tượng cho đẹp đẽ, sung sướng, nhân ái, tươi vui, thanh nhã, nhu thuận, trường tồn... Rồng được coi là rắn thăng hoa, biểu tượng cho sự hùng mạnh (lúc động, khi bay bổng làm mưa làm gió trong không trung), sức nhẫn nại ẩn tàng đầy phong độ của người ẩn dật (lúc tĩnh, khi an nghỉ tại long cung), tài năng quán thế (biến hóa vô cùng của rồng).

Lúc đầu, Âu Cơ và Lạc Long Quân còn xa lạ. Do một sự vận động nào đó, hai người biết nhau rồi đi đến kết hợp trong hôn nhân. Chúng ta thấy: vận động có mục đích đi đến kết hợp nên kết hợp là nguyên nhân của vận động. Kết hợp nào cũng cần có vận động mới thành, nên vận động cũng là nguyên nhân của kết hợp. Điều này có nghĩa vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau hay hỗ tương nguyên nhân (đó là tác động hai chiều).

Cuộc hôn nhân của Tiên Âu Cơ và Rồng Lạc Long Quân là sự kết hợp của Tiên và Rồng do sự vận động mà thành tựu. Vận động làm cho Tiên biết Rồng và Rồng biết Tiên. Nói cách khác, Tiên có tác động vào Rồng và Rồng có tác động vào Tiên hay là Tiên và Rồng đã có tác động vào nhau nghĩa là tác động hai chiều (yếu tố nhân bản và luật tác động hai chiều). Tác động hai chiều đã đưa đến sự kết hợp Tiên Rồng thành vợ chồng, sống chung dưới mái ấm gia đình. Đó là sự thống nhất của hai yếu tố đối lập Tiên và Rồng, tuy hai mà một, tuy một mà hai như câu thơ sau:

“*Mình với TA tuy hai mà một,
Ta với MÌNH tuy một mà hai.*”

Tiên là Nữ (thuộc Âm), Rồng là Nam (thuộc Dương). Cuộc hôn nhân Tiên - Rồng là sự thống nhất của hai yếu tố đối lập Nữ và Nam hoặc Âm và Dương (luật đối lập thống nhất) Do đó, cuộc hôn nhân Tiên - Rồng đã hàm chứa hai qui luật triết học rất quan trọng trong cuộc sống là “**tác động hai chiều**” và “**đối lập thống nhất**” do kết quả của sự vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau.

Tiên và Rồng có trách nhiệm cùng nhau sống hài hòa để đem lại hạnh phúc cho nhau (yếu tố nhân bản, hành động theo nhân tính), phân chia công việc trong gia đình cũng như việc cấy cấy, trồng trọt (tinh thần nhân chủ). Mọi hoạt động của Tiên hay của Rồng đều hướng về phân công hợp tác để đem lại hạnh phúc cho gia đình.

Tóm lại, đời sống thực tiễn của gia đình Âu Cơ và Lạc Long Quân cũng như bao nhiêu gia đình Việt thời Hùng Vương, mô tả theo chữ nghĩa thời nay, gồm có ba yếu tố **nhân bản, nhân tính, nhân chủ** với ba qui luật triết học:

- 1- Tác động hai chiều
- 2- Đối lập thống nhất
- 3- Phân công hợp tác

(với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả đôi bên).

Chúng ta thấy rằng dân Lạc Việt thời Hùng Vương đã thực hiện được nền văn minh nhân bản gần năm ngàn năm trước ngày nay.

Những truyện hôn nhân tầm thường của dân Lạc Việt nhưng rất quan hệ để đem lại hạnh phúc cho gia đình, thanh bình trong xã hội, sẽ phai nhòa trong trí nhớ của những thế hệ sau qua thời gia lâu dài, vì dưới thời Hùng Vương nước ta chưa có chữ viết để ghi chép lại. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân đã được thần thoại hóa thành truyện hôn nhân giữa Tiên và Rồng để câu chuyện thêm phần hấp dẫn cho người nghe. Hậu thế sẽ nhớ lâu hơn, rồi truyền miệng cho con cháu từ đời này qua đời khác. Đến cuối thế kỷ 14, Trần Thế Pháp đã ghi chép lại trong cuốn Lĩnh Nam Trích Quái, truyện Tiên Rồng và nhiều truyện dân gian khác cũng đã được thần thoại hóa nên có vẻ hoang đường. Nhờ thế, những truyện đó còn được truyền tụng đến ngày nay.

Gỡ bỏ tính cách hoang đường, rồi tìm hiểu kỹ lưỡng những ẩn ý trong truyện hôn nhân Tiên Rồng, chúng ta thấy ba yếu tố có xã hội tính là **nhân bản, nhân tính, nhân chủ** và ba qui luật triết học làm đuốc soi sáng cho cuộc sống của dân Việt thời xa xưa. Thế hệ sau gọi 3 qui luật đó là **Lý Tắc Tiên Rồng**. Nhờ hành xử theo ba yếu tố có xã hội tính và vận dụng Lý Tắc Tiên Rồng, gia đình Việt cổ xưa đã sống an vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình kéo dài trên hai ngàn sáu trăm năm.

Xin ghi lại ý kiến của một số sử gia Việt trong các cuốn “**Đại Việt Sử Ký Toàn Thư**” của Ngô Sĩ Liên, **Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí** của Phan Huy Chú về thời Hùng Vương: “vua tôi cùng cấy, không đắp bờ chia ranh giới, không chia uy quyền cấp bậc, không biết giặc giã, không ai xâm lấn ai. Vua tôi gần gũi thương yêu nhau; lối sống ấy kéo dài mấy ngàn năm vẫn y nguyên như một”.

Sử gia Ban Cố (32 - 92 sau CN) đời Hán đã viết tương tự trong cuốn *Tiền Hán Thư*: “Đời Hùng Vương, vua tôi cùng cây, không chia quyền uy cấp bậc. Vua tôi gần gũi nhau, thương yêu nhau, nếp sống ấy kéo dài cả ngàn năm cũng không thay đổi.”

Tóm lại, dân Việt cổ xưa đã dùng cuộc hôn nhân Tiên Rồng để cho hậu thế biết các qui luật trong thiên nhiên cần phải chọn lựa và điều chỉnh khi đem chuyển vào nhân loại với mục đích đem lại hạnh phúc cho con người. Đó là cách vận dụng tài tình của con người Việt cổ xưa về Lý Tắc Âm Dương trong thiên nhiên khi chuyển sang nhân loại. Dân Việt đã chuyển hai yếu tố đối lập Âm Dương trong thiên nhiên thành hai yếu tố đối lập nam nữ trong nhân loại, hay vật chất - tinh thần trong con người.

Các qui luật “*tác động một chiều dẫn đến đối lập tiêu diệt*” hay “*tác động hai chiều dẫn đến đối lập thống nhất*” trong thiên nhiên chỉ là các qui luật có tính cách khoa học, khách quan vận động, không có mục đích gì cả. (vì thiên nhiên không có tư tưởng).

Nếu con người lựa chọn tác động một chiều dẫn đến đối lập tiêu diệt (một mất một còn), hậu quả là tranh chấp, xung đột, chiến tranh đưa đến việc người tàn sát người. Như vậy, con người không thể có cuộc sống an vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình. Đó là qui luật mạnh được yếu thua mà con người đã lựa chọn trong bao nhiêu thế kỷ nay, và riêng biệt thế kỷ 20 vừa qua.

Muốn xây dựng hòa bình cho nhân loại, con người chỉ còn có cách duy nhất là lựa chọn luật tác động hai chiều, dẫn đến luật đối lập thống nhất (để cả hai đều tồn tại).

Sau khi đã lựa chọn rồi, con người cần phải điều chỉnh luật thiên nhiên theo tư tưởng của con người để có thể sống trong hòa bình.

Từ ngàn xưa, dân Việt đã lựa chọn luật tác động hai chiều dẫn đến luật đối lập thống nhất, và điều chỉnh thêm luật phân công hợp tác thành Lý Tắc Tiên Rồng, có tính cách triết học và chủ quan vận động, vì có mục đích rõ rệt là đem lại hạnh phúc cho gia đình, và thanh bình cho xã hội.

Tóm lại, dân Việt thời Hùng Vương đã có cuộc sống an vui hạnh phúc, tuy đơn sơ mộc mạc, trong một xã hội thanh bình trong một thời gian dài trên hai ngàn sáu trăm năm, vì đã thực thi được điều mà ngày nay người ta gọi là nên *văn minh nhân bản*.

Còn người Việt chúng ta ngày nay thì sao? Muốn đem lại hòa bình cho Tổ Quốc, để toàn dân Việt có thể sống an vui hạnh phúc trong xã hội thanh bình, chúng ta phải làm gì?

Trước hết, chúng ta phải *trở về với chính mình*, để tự xét mình, ngõ hầu có một cuộc cách mạng bản thân để *chuyển hóa tâm thức* (thay đổi tư tưởng).

Con đường sống của dân tộc là *trở về nguồn*.

Trở về nguồn không phải là trở về tinh thần hoài cổ với những điều cổ hủ lạc hậu mà những thế hệ trước đã gạn lọc và loại bỏ đi rồi, mà trở về với bản sắc hiếu hòa, với nếp sống hài hòa của dân tộc (khởi điểm từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước).

Trở về nguồn là trở về với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong lịch sử, trở về tinh thần giúp đỡ, đùm bọc, thương yêu nhau, để đem tình thương và trí tuệ trải rộng khắp mọi nơi, đến mọi người trong đất nước.

Trở về nguồn là trở về với tinh thần hòa cả làng đã có từ ngàn xưa, dùng trí tuệ để dung hòa những ý kiến dị biệt, ý kiến đối lập trong khi hành xử, để thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, nghĩa là trở về thực thi luật tác động hai chiều với luật đối lập thống nhất, tóm lại là trở về thực thi **Lý Tắc Tiên Rông**, để đem lại an vui hạnh phúc cho gia đình và thanh bình cho xã hội Việt.

Đã đến thời điểm người Việt phục hoạt và phát huy cốt lõi đạo sống Việt vẫn ẩn tàng trong tiềm thức, trong huyết quản của dân Việt.

Hiện tại là thời điểm người Việt phải ổn định tư tưởng để kiến thiết toàn thể sinh mệnh con người, bảo vệ và củng cố gia đình đang trở nên lỏng lẻo, cải tạo toàn diện và triệt để xã hội đã quá u băng hoại và mục nát.

Chúng ta phải loại bỏ những **tư tưởng ngoại lai** đã và đang phá nát quê hương đất nước. Chúng ta phải trở về với **văn hóa dân tộc nhân bản** và **nhân chủ** để đem lại tự do dân chủ chân chính, cơm no áo ấm cho toàn dân và thanh bình cho xã hội.

Như vậy, điều cần thiết là phải trở về với chính mình, nhận rõ được chính bản thân, rồi tự thắng để chế ngự những tham vọng, dục vọng. Người Việt cần phải **chuyển hóa tâm thức** (nghĩa là thay đổi tư tưởng) để hóa giải tinh thần vọng ngoại, tâm lý nô lệ ý thức hệ và tư tưởng ngoại lai đang hội tụ trên đất Việt và tàn phá quê hương Việt.

Chuyển hóa tâm thức để nhân tính làm chủ tư duy và hành động, chế ngự thú tính là nguyên nhân của tranh chấp, xung đột, chiến tranh.

Để kết luận, toàn dân Việt (nhất là thế hệ trẻ trong nước cũng như ở ngoài nước) cần phải trở về với **Hồn Việt** và **Tâm Việt**, với bản sắc trong sáng và nội lực mạnh mẽ của người Việt vẫn ẩn tàng trong huyết quản, trong tiềm thức của mọi người Việt.

Được như vậy, chính người Việt chúng ta trong thời đại hiện nay, sẽ là những người thực thi trước tiên trên thế giới, nên văn minh nhân bản ngõ hầu đem lại an vui hạnh phúc cho dân chúng Việt và hòa bình cho đất nước Việt, cũng như trước đây gần năm ngàn năm, Tổ Tiên của chúng ta (những người Lạc Việt thời Hùng Vương) đã vận dụng Lý Tắc Tiên Rông để đem lại hòa bình cho xã hội Lạc Việt trên hai ngàn sáu trăm năm.

Các nước Đông Nam Á sẽ nhìn vào **Tổ Quốc Việt** của chúng ta mà nhận ra **con đường thứ ba** rất sáng lạn đó mới có thể dẹp bỏ mọi hình thức chiến tranh và đem lại hòa bình cho đất nước

họ. Nền **văn minh nhân bản** sẽ được thực thi tại các nước **Đông Nam Á**, rồi sau đó lan truyền dần dần ra khắp mọi quốc gia trên thế giới.

Nhân loại sẽ sống trong xã hội thanh bình (hy vọng sẽ có được khoảng giữa thế kỷ 21 này) và bước vào thời kỳ **nhân đạo ổn định**.

IV- Thời Kỳ Ổn Định:

Hiện nay, thế giới đang ở giai đoạn rất rối ren. Nhà cách mạng Việt Lý Đông A đã giúp chúng ta nhiều ý kiến để giải đáp những câu hỏi trên.

Trong tài liệu **Chu Tri Lục** (tập 6 liên quan đến các chủ nghĩa hiện có) viết vào thời điểm 1942 - 43 (trước ngày nay - năm 2005 - hơn sáu chục năm) Lý Đông A đã giải thích cặn kẽ ba chủ nghĩa duy tâm, duy vật, duy sinh và cho biết ba chủ nghĩa trên đều thiên lệch, chỉ nói đến một khía cạnh của con người, nên cần phải thống nhất ba chủ nghĩa đó thành một chủ nghĩa lấy con người làm gốc (đó là chủ nghĩa **duy nhân**).

Trong Chu Tri lục (tập 3) Lý Đông A cho biết; Sự thống nhất ba chủ nghĩa duy tâm, duy vật, duy sinh sẽ giúp ta có thể tiên đoán tương lai thế giới qua những điều giải thích sau đây:

Mỗi chủ nghĩa duy tâm, duy vật, duy sinh đều có ưu điểm và khuyết điểm, đem ưu điểm của chủ nghĩa này bổ túc cho chủ nghĩa kia thì thấy thế giới sẽ đi vào bốn khuynh hướng sau: **dân tộc hướng tâm vận động; quốc dân chính trị dân chủ hóa; quốc gia kinh tế xã hội hóa, quốc tế tập đoàn an toàn**.

Lý tiên sinh chỉ viết ngắn gọn có thể thôi. Xin đi vào chi tiết của mỗi khuynh hướng vận động trên, sau khi đã biết ưu điểm và khuyết điểm của mỗi chủ nghĩa.

Ưu điểm của chủ nghĩa duy tâm là tự do dân chủ (không kể tự do quá trớn và dân chủ giả hiệu) còn khuyết điểm là dùng kinh tế phối hợp với quân sự với mục đích làm bá chủ toàn cầu.

Ưu điểm của chủ nghĩa duy vật là tổ chức chặt chẽ từ thôn xóm xã ấp ở nông thôn đến phường quận nơi thành thị, còn khuyết điểm là độc tài đảng trị, đồng hóa con người với súc vật, nắm độc quyền kinh tế để chi phối đời sống của toàn dân, dùng giai cấp đấu tranh để khống chế dân chúng trong nước, dùng chính trị và quân sự để nô lệ hóa các nước khác ngõ hầu đi đến thống trị toàn cầu.

Ưu điểm của chủ nghĩa duy sinh là dân chúng mạnh khỏe, quốc gia hùng cường, còn khuyết điểm là dùng sức mạnh quân sự để nô lệ hóa các nước trên thế giới, với mộng làm bá chủ toàn cầu.

Loại bỏ khuyết điểm, lấy ưu điểm của chủ nghĩa này bổ túc cho chủ nghĩa kia, ta sẽ thấy bốn khuynh hướng vận động của các nước trên thế giới.

1- Dân Tộc Hướng Tâm Vận Động:

Chính sách thuộc địa hay bảo hộ của thực dân đều đi ngược lại với chủ trương dân tộc của các quốc gia bị thực dân thống trị. Sự thống nhất của ba chủ nghĩa duy tâm, duy vật, duy sinh khiến cho nước mạnh không thể uy hiếp nước yếu được, do khuynh hướng dân tộc hướng tâm vận động phát xuất một cách tự nhiên để dành lại độc lập cho tổ quốc.

Dân chúng các nước bị thực dân đô hộ sẽ nổi lên giành độc lập cho đất nước, dân chúng mỗi nước sẽ làm chủ đất nước của mình.

Mọi chủ trương đi ngược lại dân tộc đều thất bại, mọi chủ trương quốc tế đều bị khuynh hướng “dân tộc hướng tâm” chuyển hóa đi.

Sau đệ nhị thế chiến (1939 - 1945), các nước Việt Nam, Phi Luật Tân, Nam Dương, Ấn Độ, Hồi Quốc, Triều Tiên đều đã giành được độc lập, cũng như nhiều nước ở Phi Châu, Mỹ Châu hay Úc Châu.

2- Quốc Dân Chính Trị Dân Chủ Hóa:

Đem ưu điểm của chủ nghĩa duy tâm (tự do dân chủ) bù đắp cho chủ nghĩa duy vật (loại bỏ chế độ độc tài đảng trị), các nước cộng sản sẽ thực thi dân chủ (chân chính) về chính trị. Đó là khuynh hướng quốc dân chính trị dân chủ hóa.

Ưu điểm của chủ nghĩa cộng sản là tổ chức xã hội chặt chẽ từ nông thôn đến thành thị. Về kinh tế, thay vì chính quyền giữ độc quyền để chi phối đời sống toàn dân thì trong tương lai, kinh tế quốc gia sẽ trải rộng khắp mọi nơi trong nước để toàn dân được ăn no mặc ấm.

Tóm lại, khi con người đã phản tỉnh trong tương lai, các nước cựu cộng sản sẽ ban hành tự do dân chủ về chính trị và kinh tế sẽ đến tận mọi nơi trong xã hội nghĩa là quốc gia kinh tế xã hội hóa.

3- Quốc Gia Kinh Tế Xã Hội Hóa:

Các nước tư bản theo chủ nghĩa duy tâm có ưu điểm là dân chúng có tự do dân chủ tuy chưa được chân chính.

Năm 1945, triết gia Hoa Kỳ Brand *Blanshard* đã yêu cầu “*Tái Giải Thích dân Chủ*” (Reinterpretation of democracy), nhưng sáu chục năm đã trôi qua, đến ngày nay (năm 2005) việc “tái giải thích dân chủ” vẫn chưa xảy ra, nền dân chủ tư bản vẫn đưa đến việc *người bóc lột người* nên không phải là nền *dân chủ chân chính*.

Trong tương lai, chế độ *dân chủ nhân chủ* sẽ loại bỏ thứ tự do quá trốn ngày nay tại nhiều nước tư bản và nền dân chủ toàn dân sẽ thay thế nền dân chủ tư bản gây nhiều bất công trong xã hội do tham vọng của con người tư bản.

Khuyết điểm của chủ nghĩa duy tâm với chế độ tư bản là người bóc lột người nên còn quá nhiều bất công trong xã hội. Trong tương lai, chuyện đó sẽ chấm dứt: nền kinh tế không còn bị

đại công ty, đại xí nghiệp thao túng nữa, và sẽ được trải rộng ra khắp mọi nơi trong xã hội. Đó là khuynh hướng **quốc gia kinh tế xã hội hóa**, nên mọi người sẽ được ăn no mặc ấm.

Tóm lại, trong tương lai với nền **văn minh nhân bản**, chế độ **dân chủ nhân chủ** sẽ được thực thi tại các quốc gia trên thế giới với hai điểm chính yếu:

- 1- Quốc dân chính trị dân chủ hóa.
- 2- Quốc gia kinh tế xã hội hóa.

Hiện tại, chỉ có một ít nước trên thế giới mới bắt đầu chuyển mình để tiến vào hai khuynh hướng trên.

Một số nước cựu cộng sản đang chấp chững tiến vào khuynh hướng tự do dân chủ, còn về kinh tế, nhà cầm quyền vẫn chỉ mới “ thả long dân dần” chứ chưa tiến tới xã hội hóa nền kinh tế quốc gia.

Đối với các nước trong thế giới tự do, nhà lãnh đạo các quốc gia tư bản vẫn chưa “chân chính hóa” nền tự do dân chủ và cũng chưa xã hội hóa nền kinh tế quốc gia, nên việc người bóc lột người vẫn tiếp tục khiến cho xã hội vẫn tràn nay bắt công.

Có thể phải đợi ba bốn chục năm nữa (hy vọng vào giữa thế kỷ 21), dân chúng các nước trên thế giới mới phản tỉnh để buộc nhà cầm quyền đi vào hai khuynh hướng quốc dân chính trị dân chủ hóa và quốc gia kinh tế xã hội hóa, sau khi thấy các nước Đông Nam Á đã tiến vào nền văn minh nhân bản.

4- Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn:

Vì nhu cầu an ninh chung, vì xu hướng **vận động hướng tha, hướng thượng**, các quốc gia nhỏ yếu tương đồng quyền lợi, hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, địa lý, sẽ liên minh với nhau thành một khối, những tập đoàn, những bản vị lớn hơn, để giúp đỡ lẫn nhau trong sự bảo vệ an ninh, để phát triển kinh tế, văn hóa, dân sinh.

Thực tại cho thấy, sau khi đệ nhị thế chiến (1939 - 1945) chấm dứt cho đến cuối thế kỷ 20, có nhiều khối đã được thành hình trên thế giới: khối Đông Nam Á, khối Nam Á, Liên Hiệp Các Quốc Gia Âu Châu, Khối Bắc Mỹ, Khối Nam Mỹ...

Khi nhà cầm quyền các nước đã đem lại cho dân chúng tự do (thực sự, không quá trớn) dân chủ (toàn dân chứ không phải cho riêng một nhóm người) về chính trị, ăn no mặc ấm về kinh tế và thanh bình cho xã hội, các nhà lãnh đạo các quốc gia đã **phục vụ con người, hành động vì người** và **cho người**, nghĩa là đã lấy con người làm gốc, đã tôn trọng con người: đó là yếu tố **nhân bản** trong nền **văn hóa mới**.

Con người đã có cuộc sống xứng đáng là người thì con người đã làm chủ chính mình nghĩa là tinh thần **nhân chủ** đã được thực hiện, để phát huy **nhân tính**. Con người đã phát triển tâm

linh nghĩa là đã phát triển tình thương (tâm) và trí tuệ (linh hồn) thì không còn xảy ra việc người bóc lột người, hoặc người áp bức người hay người tàn sát người.

Nền văn hóa mới đó có đầy đủ ba yếu tố có nhân loại tính là **nhân bản, nhân tính** và **nhân chủ**.

Về chính trị và kinh tế, con người đã có tự do dân chủ, đã được ăn no mặc ấm thì con người đã được giáo dục để thành con người mới với tinh thần mới để thích ứng với đời sống mới.

Khi con người giao dịch trong xã hội (tác động hai chiều), chúng ta thấy con người không còn tranh chấp, xung đột, đã dùng trí tuệ để dung hòa các ý kiến dị biệt, các ý kiến đối lập để thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động: con người đã thực thi luật đối lập thống nhất. Sau đó, là sự phân công hợp tác với thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng trong mọi lãnh vực liên quan đến thương mại, kỹ nghệ v.v... để toàn dân sống trong một xã hội thanh bình.

Tóm lại, với những khuynh hướng **dân tộc hướng tâm vận động, quốc dân chính trị dân chủ hóa, quốc gia kinh tế xã hội hoa** và **quốc tế tập đoàn an toàn**, con người đã thực thi nền văn minh nhân bản với ba yếu tố **nhân bản, nhân tính, nhân chủ**, dựa trên nền tảng triết học mà căn bản là ba qui luật:

- 1- Tác động hai chiều
- 2- Đối lập thống nhất
- 3- Phân công hợp tác.

(với hàm ý: thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả đôi bên)

Với nền **văn minh nhân bản**, cấu trúc xã hội hiện nay phải thay đổi như thế nào?

Khi Việt Nam đã thực thi được nền văn minh nhân bản, tiếp theo là các nước Đông Nam Á, các nước trên thế giới sẽ bừng tỉnh để thực thi ba yếu tố **nhân bản, nhân tính, nhân chủ** và hành động theo ba qui luật **tác động hai chiều, đối lập thống nhất, phân công hợp tác** (với thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, để mưu cầu hạnh phúc cho cả mọi người) thì cấu trúc xã hội sẽ đương nhiên thay đổi từ cấu trúc **Kim Tự Tháp** hiện thời sang cấu trúc **hạch tâm thế**.

Trên trường quốc tế, cấu trúc Kim Tự Tháp đưa các nước mạnh (cường quốc) ngự trị trên đỉnh Kim Tự Tháp, còn các nước nhỏ yếu (nhược tiểu quốc) ở đáy Kim Tự Tháp, từ đó xã hội nhân loại mới đầy rẫy những bất công.

Chúng ta thấy chính con người đã sản sinh ra các chế độ **tư bản, cộng sản, phát xít** với chủ trương làm bá chủ hoàn cầu bằng quân sự (phát xít) hoặc dùng chính trị phối hợp với quân sự (cộng sản) hay sử dụng kinh tế và quân sự (tư bản). Đó là nguyên nhân những xáo trộn trên thế giới qua việc **người tàn sát người**, áp bức hay bóc lột người. Kết quả thảm khốc đó đã phát sinh từ những tham vọng, dục vọng của con người nên con người mới để cho **thú tính làm chủ tư duy và hành động**.

Vì vậy, phải có một nền văn hóa mới thay thế nền văn hóa hiện thời để con người có **tinh thần nhân chủ** mới phát huy được **nhân tính**, để cho nhân tính làm chủ tư duy và hành động, để

cho nhân tính chế ngự thú tính. Lúc đó, đương nhiên cấu trúc Kim Tự Tháp sẽ không còn nữa và được thay thế bằng cấu trúc **hạnh tâm thể**.

Thế nào là cấu trúc hạnh tâm thể?

Chúng ta biết rằng một nguyên tử có các **điện tử dương, điện tử âm, điện tử trung hòa**. Các điện tử lưu động rất tự do, nhưng rất cơ cấu trên các quỹ đạo nhất định, có kỷ luật để không bao giờ va chạm nhau. Các điện tử lưu động trên quỹ đạo, chung quanh hạnh tâm của nguyên tử. Đó là cấu trúc hạnh tâm thể.

Trong vũ trụ bao la, chúng ta thấy các hành tinh như hỏa tinh, địa cầu, mộc tinh v.v... quay trên quỹ đạo, chung quanh trung tâm là mặt trời. Các hành tinh lưu động rất tự do, nhưng trong kỷ luật, không có cuộc “xé rào” để va chạm nhau mà vỡ tan tành. Tất cả các hành tinh đều tồn tại nhờ cấu trúc hạnh tâm thể.

Còn **xã hội nhân loại** thì sao?

Thực tại cho thấy xã hội nhân loại có nền tảng là gia đình tại Đông phương và cá nhân tại Tây phương. Dù theo cá nhân chủ nghĩa, con người vẫn phải sống trong gia đình, ngõ hầu loại bỏ tính ích kỷ (thú tính) luôn luôn đi kèm với cá nhân. Do đó, gia đình đóng một vai trò rất quan trọng đối với con người.

Một gia đình phải có ít nhất hai người (một nam một nữ) là cặp vợ chồng, sau đó có thể thêm các con cái; cha mẹ và con cái hợp thành tiểu gia đình. Lớn hơn nữa là đại gia đình gồm có ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, anh chị em và con cái, cháu chắt v.v...

Chúng ta có thể coi gia đình là một bản vị có các thành phần là cha mẹ và con cái (tiểu gia đình). Mỗi thành phần trong gia đình là một bản vị có những cá tính riêng biệt, giờ đây lại thuộc một bản vị lớn hơn (là gia đình), nên mỗi người đảm nhận một trách vụ đối với gia đình. Ta gọi mỗi người đó là một **cơ năng** của **bản vị**. Mỗi cơ năng có trách nhiệm bảo vệ, củng cố gia đình, hợp tác với nhau để đem hạnh phúc cho tất cả mọi người trong gia đình, không thể vì quyền lợi của người này mà làm hại đến người khác trong gia đình.

Bản vị và **cơ năng** hỗ trợ nhau để tồn tại và phát triển. Cha mẹ và con cái phải có **sự phân công** rõ rệt và **hợp tác trong hành động** mới tránh được sự mâu thuẫn phát sinh ra trong gia đình với bất cứ lý do nào. Sự mâu thuẫn đó làm gia đình mất ổn định. Gia đình sẽ sống trong lục đục, buồn nản và dễ tan rã. Cha mẹ làm tròn bổn phận của cha mẹ, vợ chồng làm tròn bổn phận của vợ chồng, con cái làm tròn bổn phận của con cái. Có việc gì khó khăn xảy ra cho gia đình, tất cả mọi người cùng nhau thảo luận. Ai nấy đều coi mình chỉ là một cơ năng trong bản vị gia đình mà hành động sao cho phù hợp với trung tâm bản vị nghĩa là đem lại hạnh phúc cho gia đình.

Cha mẹ có ý kiến của cha mẹ, con cái có ý kiến của con cái. Ý kiến của cha mẹ cũng như con cái có thể đúng, có thể sai. Cha mẹ không nên lấy uy quyền của cha mẹ mà ép buộc con cái luôn luôn phải tuân theo ý kiến của mình, có khi cổ hủ lạc hậu. Ngược lại, con cái cũng không nên cậy mình tài cao học rộng hơn cha mẹ, là con người tiến bộ mà nhất quyết bác bỏ mọi ý kiến của cha mẹ vì đỉnh ninh rằng cha mẹ lạc hậu, không theo kịp thời thế.

Mọi việc khó khăn trong gia đình đều được đem ra thảo luận giữa các cơ năng. Mọi người đều bình đẳng trong việc phát biểu các ý kiến. Con cái có thể trung thực bày tỏ ý kiến của mình trong cuộc thảo luận, nhưng không vì thế mà con cái kém phần lễ độ, nhã nhặn, coi cha mẹ như ngang hàng rồi sinh ra bất kính đối với cha mẹ; còn cha mẹ cũng không nên ý thế mà nạt nộ, ức chế con cái, bắt buộc con cái lúc nào cũng phải tuân theo ý kiến của mình. Cuộc thảo luận phải được thẳng thắn, công bằng và kết thúc trong tình tương thân tương ái. Có như thế mới tránh được vẩn nạn về “hai ba thế hệ”, về “già và trẻ”, về “lạc hậu và tân tiến”.

Tổ chức gia đình như vậy tương tự cấu trúc của một nguyên tử, cho nên ta gọi là **gia đình hạch tâm**. Các gia đình hạch tâm là nền tảng của xã hội dân tộc thì quốc gia đó đã thực hiện được **xã hội hạch tâm**. Nhà cầm quyền và dân chúng sẽ không còn xa cách nhau nữa: đó là hai cơ năng của xã hội hạch tâm, nên xã hội có đầy đủ ba yếu tố **nhân bản, nhân tính và nhân chủ**, cùng ba qui luật làm nền tảng triết học cho nền văn minh nhân bản. Dân chúng sẽ sống yên vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình.

Trên thế giới, các nước lớn (cường quốc) và các nước nhỏ yếu (nhược tiểu quốc) chỉ là các **cơ năng** của **bản vị nhân loại**, của xã hội nhân loại, nên sẽ giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến, cùng thịnh vượng. Dân chúng trên thế giới có cuộc sống vui tươi, hạnh phúc trong một thế giới thanh bình.

Riêng đối với nước ta, để xứng đáng là **Con Rồng Cháu Tiên**, người dân Việt cần phải cấp bách phấn đấu để loại bỏ nền văn hóa ngoại lai đang tàn phá quê cha đất tổ. Toàn dân Việt phải mau chóng **chuyển hóa tâm thức** để trở về **nguồn**, trở về nếp sống hài hòa của dân tộc theo tinh thần **hòa cả làng**. Người dân Việt trở về nguồn để thực thi **Lý Tắc Tiên Rồng** thì dân Việt mới mau chóng có **tự do dân chủ** (tự do thật sự và dân chủ chân chính), cơm no áo ấm và sống trong một xã hội thanh bình (kết quả của việc thực hiện bốn khuynh hướng: **dân tộc hướng tâm vận động; quốc dân chính trị dân chủ hóa; quốc gia kinh tế xã hội hóa; quốc tế tập đoàn an toàn**)

Nhà cầm quyền và dân chúng các nước Đông Nam Á sẽ kinh ngạc về đời sống an vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình của dân Việt, mà nô nức theo gương thực hiện nền **văn minh nhân bản**.

Nền văn hóa mới đó sẽ lan tràn từ Đông Nam Á qua các nước trên lục địa Á Châu, Úc Châu, Phi Châu, Âu Châu và cuối cùng là Mỹ Châu.

Tất cả các quốc gia trên thế giới đều đạt được nền văn minh nhân bản thì nhân loại sẽ bước vào thời kỳ ổn định.

Đào Văn Dương
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org